

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC HIỆN NAY

○ ThS. NGUYỄN THANH BÌNH\*

**N**âng cao chất lượng đào tạo bậc đại học (ĐH) để tạo ra một nguồn nhân lực có trí tuệ cao, tay nghề thành thạo, phẩm chất tốt, đáp ứng ở mức cao nhất những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước là một nhiệm vụ quan trọng hiện nay. Để thực hiện được nhiệm vụ này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: trình độ của đội ngũ giảng viên (GV), khả năng tiếp thu của sinh viên (SV), đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo..., trong đó, đổi mới PPDH là yếu tố quan trọng và quyết định.

Để đánh giá một cách khách quan việc đổi mới PPDH hiện nay ở các trường ĐH cũng như nắm được nhu cầu của SV về vấn đề này, tháng 1/2009, chúng tôi đã tiến hành điều tra xã hội học ở 450 SV (39%, nữ: 61%; cơ cấu theo năm học: năm thứ 1 và 2: 51%, năm thứ 3 và 4: 49%) tại một số trường: ĐHSPT Hà Nội, ĐH Khoa học xã hội và nhân văn - ĐHQG Hà Nội, ĐH Ngoại Ngữ - ĐHQG Hà Nội, Học viện Hành chính quốc gia, Học viện Quan hệ quốc tế.

## 1. Thực trạng PPDH ở ĐH hiện nay

Trước hết, để tìm hiểu thực tế dạy học trong các trường ĐH hiện nay, chúng tôi tiến hành điều tra và thống kê các PPDH chủ yếu được GV sử dụng. Kết quả cụ thể: thuyết trình (51,2%), cho SV tự nghiên cứu tài liệu (12,9%), cho SV thảo luận nhóm (6,3%), GV nêu vấn đề và SV phát biểu ý kiến xây dựng bài (29,6%).

Kết quả trên cho thấy, phần nhiều GV các trường ĐH vẫn sử dụng PPDH chủ yếu là *thuyết trình*: thầy truyền đạt kiến thức theo kiểu đọc thoại, áp đặt kiến thức có sẵn, trò thụ động, ghi chép, học thuộc bài,...; thầy đọc quyền đánh giá, cho điểm cố định..., truyền thụ kiến thức bằng cách dùng lời để trình bày, giải thích nội dung bài học một cách chi tiết. Phương pháp (PP) này được sử dụng khi giảng dạy cho nhiều SV với một chương trình lí thuyết phức tạp và dễ thực hiện đối với GV. Trong một thời gian ngắn, GV có thể

trình bày bài giảng có một khối lượng lớn kiến thức cho nhiều SV cùng nghe. Để thực hiện được PPDH này, GV sẽ soạn giáo án và trình bày theo lối giảng giải, quy nạp hay diễn dịch, bảo đảm tính logic về nội dung, với một «chiến thuật» sư phạm phù hợp với trình độ tiếp thu, với nhu cầu và hứng thú của SV. Bài giảng là trí tuệ, là vốn sống và kinh nghiệm sư phạm của GV; là tâm hồn, nhiệt huyết nhà giáo, cho nên thuyết trình bài giảng có giá trị giáo dục to lớn không thể phủ nhận. Tuy nhiên, đây chỉ là *PP đem lại sự thụ động* trong việc tiếp nhận tri thức khoa học cho SV và điều này trái ngược với những yêu cầu của PPDH ĐH (như: trang bị cho SV hệ thống những tri thức khoa học hiện đại và hệ thống những kĩ năng, kĩ xảo tương ứng về một lĩnh vực khoa học nhất định, bước đầu trang bị cho SV PP luận khoa học, các PP nghiên cứu và PP tự học có liên quan tới nghề nghiệp tương lai của họ; phát triển năng lực hoạt động trí tuệ của SV; hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của người cán bộ khoa học, kĩ thuật, những cán bộ có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, năng động và sáng tạo, có khả năng thích ứng với những thay đổi về nghề nghiệp trong nền kinh tế hàng hóa, có bản lĩnh tự tạo được việc làm, có ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân,...).

Cũng theo kết quả điều tra, có 29,6% số SV được hỏi cho rằng, GV đã sử dụng PPDH tích cực, đó là GV *nêu vấn đề* và SV *phát biểu ý kiến xây dựng bài*, sau đó GV *tổng kết vấn đề* SV cần nắm được nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Với PP này, người thầy phải khơi dậy, rèn luyện và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực nghĩ và làm một cách tự chủ của SV bằng cách đặt ra các tình huống có vấn đề và tiến hành giải quyết vấn đề dựa trên sự đóng góp của SV. Điểm mấu chốt của PP là

\* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

GV nêu vấn đề nghiên cứu và đưa SV vào tình huống có vấn đề; từ đó, SV huy động vốn kiến thức, kinh nghiệm của bản thân để giải quyết mâu thuẫn đã đặt ra dưới sự định hướng, dẫn dắt của GV.

Như vậy, PPDH nêu vấn đề đã phù hợp với yêu cầu của PPDH hiện đại, PPDH mới *«lấy người học làm trung tâm», «phát huy vai trò chủ động, tích cực của SV»*. Tuy nhiên, GV các trường ĐH hiện nay vẫn chưa sử dụng thường xuyên PPDH này.

Với câu hỏi: *«GV các trường ĐH hiện nay sử dụng PPDH hiện đại với mức độ như thế nào?»*, chúng tôi thu được kết quả về tần suất sử dụng các PPDH hiện đại như sau: rất thường xuyên (1,1%), thường xuyên (23,3%), thỉnh thoảng (57,5%), không thường xuyên (13,1%), rất không thường xuyên (5,0%).

Số liệu trên cho thấy, GV các trường ĐH chưa sử dụng thường xuyên PPDH hiện đại; thay vào đó PPDH truyền thống vẫn được nhiều GV lựa chọn. Chính vì thế đã gây nên sự nhàm chán, đơn điệu cho SV trong quá trình học tập trên lớp. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy học, trước hết cần đổi mới PPDH tích cực hơn, hiệu quả hơn.

## 2. Nhu cầu đổi mới PPDH của SV ĐH

Có thể nói, PPDH là yếu tố quyết định nhất đến chất lượng dạy học và giáo dục. Tuy nhiên, như trên đã phân tích, PPDH hiện nay của GV vẫn chủ yếu là PP thuyết trình. Vì GV thường hay sử dụng PP này nên đã gây ra tình trạng SV thụ động, ý lại không chịu tìm tòi, đọc tài liệu, chỉ chờ đợi GV giảng để ghi chép. PPDH này không phù hợp với bậc ĐH và đã ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả giáo dục của bậc học. Với PPDH như hiện nay của đa số GV, có 73,2% ý kiến của SV cho rằng, PPDH như vậy là có hiệu quả bình thường; 5,8% ý kiến cho là có hiệu quả; chỉ có 0,3% ý kiến cho là rất hiệu quả; có 14,2% tổng số SV được hỏi đưa ra quan điểm của mình là PPDH như vậy là không hiệu quả; bên cạnh đó cũng có 6,5% ý kiến của SV cho là PP thuyết trình là PPDH rất không hiệu quả. Nghĩa là PPDH thường được các GV sử dụng chưa phải là PP tối ưu. Bên cạnh việc đánh giá hiệu quả của các PPDH, SV các trường ĐH mong muốn có một sự thay đổi nào đó trong PPDH của GV thay vì PP thuyết trình như hiện nay. Trong phiếu trưng cầu ý kiến, chúng tôi có đưa ra câu hỏi về nhu cầu đổi mới PPDH hiện nay, kết quả: 87,2% SV có nhu cầu về đổi mới PPDH, 12,8% không có nhu cầu.

Hơn nữa, PPDH ĐH rất đa dạng và có thể vận dụng tùy theo các trường ĐH, đặc điểm của từng bộ môn, điều kiện phương tiện dạy học, đặc điểm nhân cách của GV và SV,... Đặc điểm này phản ánh tính chất phong phú, phức tạp của hoạt động dạy học ở ĐH, đòi hỏi GV trong quá trình giảng dạy phải vận dụng các PPDH ở ĐH một cách linh hoạt, sáng tạo sao cho phù hợp với các yếu tố nói trên, đặc biệt là đặc điểm của bộ môn và đối tượng SV. Vì vậy, việc GV chỉ lựa chọn một PPDH nào đó trong quá trình dạy học sẽ không thỏa mãn được nhu cầu về học tập của SV, nhất là việc sử dụng thường xuyên PPDH thuyết trình như hiện nay đã không phát huy được tính tích cực, độc lập sáng tạo của họ.

Qua khảo sát thực tế, nhu cầu của SV các trường ĐH về PPDH tích cực, hiện đại được tập trung vào các nhóm PP sau đây: 60,6% SV lựa chọn PPDH mà GV cho SV tăng cường đi thực tế; 26,5% SV có nhu cầu tăng cường thảo luận nhóm trong quá trình dạy học của GV (GV tổ chức cho SV học tập thông qua sử dụng hệ thống các câu hỏi và các câu trả lời. Các câu hỏi được đặt ra nhằm giúp cho bài học thêm linh động và hấp dẫn; thu hút SV tích cực tham gia vào bài học, buộc họ phải tư duy, tích cực, phải sẵn sàng đóng góp ý kiến của mình vào việc học tập của tập thể).

Trong kết quả khảo sát, có 24,3% SV có nhu cầu được dành nhiều thời gian tự nghiên cứu, còn thời gian học trên lớp ít hơn. Như vậy, nhu cầu của SV về PPDH bậc ĐH không phải là PP thuyết trình mà họ cần các PP khác - khi ở đó, GV cho SV thời gian tự nghiên cứu, tăng cường thảo luận và đi thực tế. Đó là nhu cầu mang tính tất yếu của SV bởi họ nhận thấy nếu cải tiến PPDH, họ sẽ được học tập, nghiên cứu một cách tích cực hơn, không chỉ nắm được lí thuyết mà còn có khả năng thực hành.

## 3. Một số đề xuất về đổi mới PPDH ở ĐH

Để đáp ứng được yêu cầu trên về đổi mới PPDH của SV các trường ĐH, chúng tôi xin đề xuất phương hướng cải tiến PPDH dựa trên các hoạt động cơ bản của GV và SV như sau:

- *Trước khi lên lớp*: GV nêu ra các câu hỏi liên quan đến bài học và cung cấp hệ thống những tài liệu mà SV có thể tham khảo để trả lời những nội dung đó trước khi đến lớp. Mọi SV đều phải chuẩn bị những yêu cầu từ phía GV. Ở giai đoạn này, GV có thể sử dụng PPDH nêu vấn đề để đưa SV vào tình huống phải nhận thức và giúp SV tự lực, sáng tạo tìm tòi cách giải quyết vấn đề.

- Trong quá trình lên lớp: GV sử dụng PPDH cho SV trình bày những vấn đề mà họ đã thu thập được từ việc nghiên cứu tài liệu sau đó GV định hướng, dẫn dắt SV đến được với những tri thức khoa học. Ngoài ra, trong giai đoạn này, GV cũng có thể sử dụng PP thảo luận nhóm nhằm giúp SV trao đổi, tranh luận về các vấn đề để từ đó rút ra được những kết luận cần thiết. Đây là hình thức học tập tập thể mà mỗi cá nhân bằng trí tuệ, kiến thức đã có, bằng kinh nghiệm và sự sáng tạo của mình đóng góp vào bài học.

- Sau khi lên lớp: Từ những tri thức khoa học của môn học được lĩnh hội từ trên lớp, GV yêu cầu SV liên hệ và giải quyết vấn đề trong thực tiễn của cuộc sống và báo cáo lại GV trong các giờ học tiếp theo, thông qua các hình thức: viết tiểu luận, xử lý các bài tập tình huống,... GV cũng có thể sử dụng PP vấn đáp để kiểm tra mức độ hiểu biết, nắm vững những đơn vị kiến thức của SV. Nếu có điều kiện thích hợp, GV tổ chức cho SV tiếp cận thực tế nhằm ứng dụng những tri thức đã được học lí thuyết trên giảng đường.

Trong quá trình dạy học ở ĐH, PPDH nêu vấn đề, tổ chức seminar (hoặc thảo luận nhóm) cần được GV sử dụng thường xuyên. Vấn đề được GV nêu ra không chỉ đơn thuần là để SV tiếp

cận, tìm hiểu, nắm được bản chất nội dung kiến thức của bài học mà trên cơ sở những nội dung kiến thức cơ bản đó, GV mở rộng vấn đề, đặt ra những vấn đề liên quan để định hướng cho SV tự tìm tòi, nghiên cứu. Những buổi thảo luận như vậy sẽ tạo điều kiện cho SV trau dồi kiến thức, nảy sinh nhiều ý tưởng tìm hiểu, nghiên cứu sáng tạo, có cơ hội tự chiếm lĩnh kho tri thức vô tận của nhân loại.

Bên cạnh đó, việc cho SV luyện tập thực hành, tiếp xúc nhiều với thực tế là hết sức cần thiết. Họ được ứng dụng, sử dụng những điều được học vào thực tiễn, rồi chính thực tiễn sẽ giúp họ hoàn chỉnh, bổ sung những kiến thức đã học; khơi gợi cho họ những tìm tòi và sáng tạo mới. Phương châm: học đi đôi với hành, lí luận đi đôi với thực tiễn luôn có giá trị trong quá trình đào tạo của tất cả các trường ĐH. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đảng X. NXB Chính trị quốc gia, H. 2006.
2. Phạm Việt Vương. Giáo dục học. NXB Đại học quốc gia, H.2000.
3. Đặng Vũ Hoạt (chủ biên) - Hà Thị Đức. Lí luận dạy học đại học. NXB Đại học sư phạm, H.2006.

## Một số biện pháp...

(Tiếp theo trang 13)

hoặc trường CĐSP, thực hiện bằng nhiều kiểu như lớp ngắn ngày, lớp chuyên đề. Thời gian từ 3 đến 7 ngày, bồi dưỡng với từng nội dung đã được phân hoá, đáp ứng các nhu cầu khác nhau của mỗi nhóm đối tượng GV (như Tiếng Việt, Toán,...). Ngoài ra, còn tổ chức bồi dưỡng theo cấp huyện (thị), theo cụm, theo trường, với nhiều hình thức như tổ chức các hội thảo hoặc trong quá trình thao giảng.

4. Cụ thể hoá các văn bản về DHHN cho GV và cho các trường tiểu học trong tỉnh Hoà Bình

Mục đích: Cung cấp cho GV cơ sở pháp lí trong hoạt động giáo dục, DHHN nhằm vạch ra những vấn đề về kế hoạch hành động và chiến lược hướng tới một xã hội hoà nhập.

Nội dung và cách thực hiện: Tổ chức cho GV học tập hệ thống văn bản pháp quy về GDTK đã được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên, nắm vững các định hướng phát triển GD-ĐT, các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của

Bộ GD-ĐT và xác định GDHN là một trong những nội dung của hoạt động GD trong các nhà trường.

Các biện pháp nâng cao năng lực GV DHHN TKT cấp tiểu học đã được triển khai có hiệu quả ở tỉnh Hoà Bình để thực hiện xã hội hoá GD với mọi trẻ em; góp phần tạo nên chất lượng GD, bảo đảm DHHN được nâng cao và đạt chuẩn GVTH, phục vụ đổi mới GD phổ thông nói chung và GDTH nói riêng. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT - Dự án Phát triển giáo viên tiểu học. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và đổi mới quản lí giáo dục tiểu học. NXB Giáo dục, H. 2006.
2. Bộ GD-ĐT. Quyết định Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học trình độ cao đẳng ngành giáo dục đặc biệt thuộc khối ngành sư phạm, Số 10/QĐ-BGDĐT/2008.
3. Lê Văn Tạc (chủ biên). Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học. NXB Lao động xã hội, H. 2006.
4. Nguyễn Hữu Châu - Nguyễn Văn Cường - Trần Bá Hoàn - Nguyễn Bá Kim - Lâm Quang Thiệp. Sách trợ giúp giảng viên cao đẳng sư phạm. NXB Đại học sư phạm, H.2007.